

Bộ, cơ quan Trung ương:.....
Chương:.....

Phụ lục 6 - Mẫu biểu số 01

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM

Đơn vị: (Đơn vị sử dụng ngân sách)

Mã số: (Đơn vị sử dụng ngân sách)

Mã KBNN nơi giao dịch

(Kèm theo quyết định (theo mẫu số 1a) số: của)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
1.1	Lệ phí	
	Lệ phí A	
	Lệ phí B	
		
1.2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	
		
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp.....	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí	
	Lệ phí A	
	Lệ phí B	
		
3.2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	
		
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Nghiên cứu khoa học	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi sự nghiệp kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
		

Ghi chú:

- Trong trường hợp ủy quyền cho các đơn vị dự toán cấp II phân bổ và giao dự toán cho các đơn vị sử dụng ngân sách thì do thủ trưởng đơn vị dự toán cấp II ký theo ủy quyền của thủ trưởng đơn vị dự toán cấp I.
- Chi tiết: các khoản chi bằng lệnh chi tiền; ghi thu ghi chi các dự án ODA.

Bộ, cơ quan Trung ương:.....

Chương:.....

Phụ lục 6 - Mẫu biểu số 02

PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM

(Kèm theo quyết định (theo mẫu số 1a) số: của)

(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính, Kho bạc Nhà nước)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Chi tiết theo đơn vị sử dụng ⁽¹⁾		
			Đơn vị A	Đơn vị B	Đơn vị
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
1	Số thu phí, lệ phí				
1.1	Lệ phí				
	Lệ phí A				
	Lệ phí B				
					
1.2	Phí				
	Phí A				
	Phí B				
					
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
2.1	Chi sự nghiệp				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2.2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
3.1	Lệ phí				
	Lệ phí A				
	Lệ phí B				
					
3.2	Phí				
	Phí A				
	Phí B				
					
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước (2)				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Nghiên cứu khoa học				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				

5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi sự nghiệp kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
					
	Mã số đơn vị sử dụng NSNN				
	Mã số Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch				

Ghi chú:

(1) Nếu số đơn vị trực thuộc nhiều, có thể đổi chỉ tiêu theo cột ngang thành chỉ tiêu theo hàng dọc; tổng hợp cả số phân bổ của các đơn vị tổ chức theo ngành dọc đã uỷ quyền cho các đơn vị cấp II phân bổ và giao dự toán ngân sách cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc.

(2) Đối với các nhiệm vụ chi cấp phát bằng hình thức lệnh chi tiền phải chi tiết vào từng lĩnh vực chi, phần kinh phí không thực hiện tự chủ (kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên).

Bộ, CQTW: ...
Chương: ...

THUYẾT MINH PHẦN BỐ NGÂN SÁCH CHI SỰ NGHIỆP GIÁ O DỤC - ĐÀO TẠO, DẠY NGHỀ NĂM ...
(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

STT		Tên đơn vị	Tổng nguồn tài chính của đơn vị						Ước thực hiện năm (năm hiện hành)										I. Tổng nguồn tài chính								
			Thu từ các hoạt động cung cấp dịch vụ công theo khung giá NN quy định						Thu từ các hoạt động cung cấp dịch vụ công theo khung giá NN quy định				Thu từ các hoạt động cung cấp dịch vụ công theo khung giá NN quy định		Thu từ các hoạt động cung cấp dịch vụ công theo khung giá NN quy định		Thu từ các hoạt động cung cấp dịch vụ công theo khung giá NN quy định										
			Tổng cộng	Dự toán NSNN giao	Thu từ các hoạt động cung cấp dịch vụ công theo khung giá NN quy định	Thu từ các hoạt động cung cấp dịch vụ công theo khung giá NN quy định	Thu từ các hoạt động cung cấp dịch vụ công theo khung giá NN quy định	Thu từ các hoạt động cung cấp dịch vụ công theo khung giá NN quy định	Chi từ nguồn thu được để lại		Chi từ nguồn NSNN hỗ trợ		Chi từ nguồn NSNN hỗ trợ		Chi từ nguồn NSNN hỗ trợ		Chi từ nguồn NSNN hỗ trợ										
									Tổng cộng	Chi thường xuyên	Chi không TX	Tổng cộng	Chi phí chưa kết cấu trong giá, phí dịch vụ sự nghiệp công	Cấp bù học phí cho học sinh, sinh viên	Cấp bù kinh phí sinh viên	Chinh sách cho học sinh dân tộc	Chinh sách khác được nhà nước cấp kinh phí....	Vốn đối ứng các dự án ODA				Các Đề án được Thủ tướng Chính phủ giao (chỉ tiết từng Đề án)	Hỗ trợ KP không thường xuyên khác	Chênh lệch thu - chi			
			1=2+3+4+5	2	3	4	5	6=7+8+9	7	8	9	10=11+...+19	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21=21+...+24	22	23		
A			B																								
TỔNG CỘNG																											
I			Đơn vị tự đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên và chi đầu tư																								
1			Đơn vị A																								
2			Đơn vị B																								
II			Đơn vị tự đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên																								
1			Đơn vị A																								
2			Đơn vị B																								
III			Đơn vị tự đảm bảo một phần kinh phí hoạt động																								
1			Đơn vị A																								
2			Đơn vị B																								
IV			Đơn vị do NSNN đảm bảo kinh phí hoạt động																								
1			Đơn vị A																								
2			Đơn vị B																								
V			Các đơn vị khác																								
1			Đơn vị A																								
2			Đơn vị B																								

(1) Đối với kinh phí thực hiện chính sách cho học sinh sinh viên: có thuyết minh chi tiết cơ sở tính toán kèm theo.
(2) Đối với nhiệm vụ chi không thường xuyên: phải có thuyết minh chi tiết cơ sở tính toán kèm theo, các quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền và các hồ sơ liên quan.

[illegible]

Bộ, cơ quan Trung ương:

Phụ lục 6 - Mẫu biểu 04.1

Chương:

THUYẾT MINH TỔNG HỢP
PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI SỰ NGHIỆP KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂM
(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán giao năm	Tổng số phân bổ đợt...	Trong đó			Dự toán còn lại chưa phân bổ
				Đơn vị A	Đơn vị B		
A	B	1	2	3	4	5	6
	Tổng số						
I	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHCN (chi tiết theo loại, khoản)						
I.1	Nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia (chi tiết tại Phụ lục số 1a)						
	<i>Loại Khoản (ví dụ Loại 370 Khoản 371)</i>						
1	Nhiệm vụ chuyển tiếp từ năm trước						
1.1	Kinh phí khoán chi						
1.2	Kinh phí không khoán chi						
2	Nhiệm vụ bắt đầu thực hiện từ năm nay						
2.1	Kinh phí khoán chi						
2.2	Kinh phí không khoán chi						
...							
I.2	Nhiệm vụ KHCN cấp bộ (chi tiết tại Phụ lục số 1a)						
	<i>Loại Khoản (ví dụ Loại 370 Khoản 371)</i>						
1	Nhiệm vụ chuyển tiếp từ năm trước						
1.1	Kinh phí khoán chi						
1.2	Kinh phí không khoán chi						
2	Nhiệm vụ bắt đầu thực hiện từ năm nay						
2.1	Kinh phí khoán chi						
2.2	Kinh phí không khoán chi						
...							
I.3	Nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở (chi tiết tại Phụ lục số 1a)						
	<i>Loại Khoản (ví dụ Loại 370 Khoản 371)</i>						
1	Nhiệm vụ chuyển tiếp từ năm trước						
1.1	Kinh phí khoán chi						
1.2	Kinh phí không khoán chi						
2	Nhiệm vụ bắt đầu thực hiện từ năm nay						
2.1	Kinh phí khoán chi						
2.2	Kinh phí không khoán chi						
...							
II	Kinh phí thường xuyên (chia theo Loại, Khoản)						
	<i>Loại Khoản (ví dụ Loại 370 Khoản 371)</i>						
A1	Tiền lương và hoạt động bộ máy						
	<i>Kinh phí tự chủ tài chính</i>						
	<i>Kinh phí không tự chủ tài chính</i>						
1	Tiền lương, tiền công						
2	Hoạt động bộ máy						

TT	Nội dung	Dự toán giao năm	Tổng số phân bổ đợt...	Trong đó			Dự toán còn lại chưa phân bổ
				Đơn vị A	Đơn vị B		
A	B	1	2	3	4	5	6
A2	<i>Hoạt động thường xuyên theo chức năng (chi tiết tại Phụ lục số 1a)</i>						
	<i>Kinh phí tự chủ tài chính</i>						
	<i>Kinh phí không tự chủ tài chính</i>						
A3	<i>Kinh phí thường xuyên khác (kinh phí không tự chủ)</i>						
III	Kinh phí không thường xuyên (chia theo Loại, Khoản)						
A1	<i>Hợp tác quốc tế</i>						
1	- Đoàn ra						
2	- Đoàn vào						
3	- Hội nghị, Hội thảo quốc tế tổ chức tại VN						
4	- Niên liễm tham gia các tổ chức quốc tế						
5	- Vốn đối ứng thực hiện các dự án nước ngoài						
A2	<i>Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ quan KHCN (chi tiết tại Phụ lục số 1a)</i>						
1	Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ quan KHCN chuyển tiếp từ năm trước						
2	Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ quan KHCN thực hiện từ năm nay						
A3	<i>Sửa chữa, chống xuống cấp (chi tiết tại Phụ lục số 1a)</i>						
1	Sửa chữa, chống xuống cấp chuyển tiếp từ năm trước						
2	Sửa chữa, chống xuống cấp thực hiện từ năm nay						

(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

[illegible]

Đơn vị: triệu đồng

[illegible]

ƯỚC THỰC HIỆN NĂM (NĂM HIỆN HÀNH)																														
SO	TT	Tên đơn vị	Người lao động			Quỹ lương			Tỷ lệ NSNN hỗ trợ tiền lương	Định mức chi chuyển môn	Định mức mua sắm, sửa chữa thường xuyên	Tổng dự toán chi NSNN được sử dụng trong năm	Dự toán chi NSNN giao dẫn năm	Chi nhiệm vụ thường xuyên					Chi nhiệm vụ không thường xuyên			Bổ sung trong năm			Tổng thu phí và thu khác	Trong đó			Lệ phí	
			Số lượng người làm việc (biên chế)	Kế hoạch	Có mặt	Hợp đồng 68	Công	Quỹ lương biên chế có mặt						Quỹ lương HD 68	Chi lương theo chế độ	Phòng chống dịch	Chi hoạt động thường xuyên chuyển môn	Chi đặc thù, lấy mẫu, thử mẫu, k tra chất lượng SP, hàng hóa	Công	Mua sắm, sửa chữa thường xuyên	Theo các DA được duyệt	Công	Thường xuyên	Không thường xuyên		Phí	Thu hoạt động dịch vụ	Thu khác		
A		B	1	2	3	4=5*6	5	6	7	8	9	10=11+20	11=12+17	12=13+...16	13	14	15	16	17=8+9	8	19	20=21+22	21	22	23	24	25	26	27	
A		Phân bổ theo đơn vị																												
I		Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư																												
II		Tên đơn vị																												
II		Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên																												
III		Tên đơn vị																												
III		Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên																												
III		Tên đơn vị																												
III		Đơn vị do NSNN bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên																												
B		Tên đơn vị																												
B		Các nhiệm vụ, Đề án chưa phân bổ lần này																												
		Đề án...																												
		Nhiệm vụ...																												
		Tổng cộng																												

Ghi chú:
 Các nhiệm vụ, đề án thuyết minh chi tiết (mức dự toán đã được duyệt, đã bỏ trị, bỏ trị lần này)
 Trường hợp đơn vị thực hiện theo cơ chế giao nhiệm vụ, đặt hàng cần thuyết minh cụ thể số lượng và định mức phân bổ

SO		DỰ TOÁN NĂM PHÂN BỐ (theo từng đợt phân bổ)																								Tỷ lệ (%) chi NSNN năm nay so với năm trước liền kề
		Người lao động		Quỹ lương			Tỷ lệ hỗ trợ lương	Định mức chi chuyển môn	Định mức sửa chữa thường xuyên	Dự toán chi NSNN năm nay	Chi thường xuyên					Chi không thường xuyên			Trong đó			Lệ phí				
TT	Tên đơn vị	Biên chế		Hợp đồng 68	Công	Quỹ lương biên chế có mặt					Quỹ lương HD 68	Chi lương theo chế độ	Phòng chống dịch	Chi chuyển môn theo DM	Chi đặc thù, lấy mẫu, thử mẫu, k tra chất lượng SP, hàng hóa	Công	Mua sắm, sửa chữa thường xuyên	Các DA được duyệt	Tổng thu phí và thu khác	Phi	Thu hoạt động dịch vụ		Thu khác	Số		
		Kế hoạch	Có mặt				31=12+33	32	33	34												35			36	37=38+43
A	B	28	29	30	31=12+33	32	33	34	35	36	37=38+43	38=39+...+42	39	40	41	42	43=44+45	44	45	46	47	47	49	50	51=V/1	
A	Phân bổ theo đơn vị																									
I	Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư																									
II	Tên đơn vị																									
II	Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên																									
III	Tên đơn vị																									
III	Đơn vị do NSNN bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên																									
B	Tên đơn vị																									
B	Các nhiệm vụ, Đề án chưa phân bổ lần này																									
	Đề án...																									
	Nhiệm vụ...																									
	Tổng cộng																									

Đơn vị: triệu đồng

ƯỚC THỰC HIỆN NĂM (NĂM HIỆN HÀNH)																								
TT	Tên đơn vị	Người lao động		Quỹ lương (không bao gồm hoạt động dịch vụ)				Giường bệnh KH		Định mức phân bổ NSNN của cấp có thẩm quyền			TỔNG NGUỒN NSNN ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG NĂM	DỰ TOÁN NSNN GIAO ĐẦU NĂM	Chi nhiệm vụ thường xuyên	Tiền lương	Chi thường xuyên	Các khoản chi đặc thù	Khác (Phụ cấp đặc thù theo QĐ 73, QĐ 46, Nghị định 116)	Chi nhiệm vụ không thường xuyên	Trung đề			
		Số lượng người làm việc (biên chế)	Hợp đồng 68	Công	Quỹ lương biến chế có mặt	Quỹ lương HD 68	Tổng GB	trong đó GB tăng (+), giảm (-) trong năm	Tiền lương	Chi thường xuyên	Chi mua sắm, sửa chữa													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=13+24	13=14+19	14=15+...18	15=16+9	16	17	18	19=20+...23	20	21				
A	B																							
A	Phân bổ theo đơn vị																							
I	Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư																							
	Tên đơn vị																							
II	Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên																							
	Tên đơn vị																							
III	Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên																							
	Tên đơn vị																							
III	Đơn vị do NSNN bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên																							
	Tên đơn vị																							
B	Các nhiệm vụ, Đề án chưa phân bổ lần này																							
	Đề án...																							
	Nhiệm vụ...																							
	Tổng cộng																							

Ghi chú:

Các nhiệm vụ, đề án thuyết minh chi tiết (mức dự toán đã được duyệt, đã bỏ trí, bỏ trí lần này)

Trường hợp đơn vị thực hiện theo cơ chế giao nhiệm vụ, đặt hàng cần thuyết minh cụ thể số lượng và định mức phân bổ

[illegible]

Đơn vị: triệu đồng

DỰ TOÁN NĂM PHÂN BỐ (THEO TỪNG ĐỢT PHÂN BỐ)																									DỰ TOÁN NĂM PHÂN BỐ (THEO T				
Đơn vị: triệu đồng																													
TT	Tên đơn vị	Giường bệnh KH		Định mức phân bổ NSNN của cấp có thẩm quyền			TỔNG NGUỒN NSNN ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG NĂM	DỰ TOÁN NSNN GIAO LẦN NÀY	Chỉ nhiệm vụ thường xuyên	Trong đó:				Chi nhiệm vụ không thường xuyên	Trong đó			Tổng số thu sự nghiệp	Thu từ người bệnh có thẻ BHYT					Th					
		Tổng GB	trong đó GB tăng (+), giảm (-) trong năm	Tiền lương	Chi thường xuyên	Chi mua sắm, sửa chữa				Tiền lương	Chi thường xuyên	Các khoản chi đặc thù	Khác (Phụ cấp đặc thù theo QĐ 73, QĐ 46)		Đề án BV vệ tỉnh, 1816...	Mua sắm đặc thù theo Đề án, nhiệm vụ khác	Mua sắm, sửa chữa TSCĐ thường xuyên												
A	B	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61	62	63=64+69+74+75	64=65+...68	65	66	67	68	69=70+...73					
A	Phân bổ theo đơn vị																												
I	Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư																												
	Tên đơn vị																												
II	Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên																												
	Tên đơn vị																												
III	Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên																												
	Tên đơn vị																												
III	Đơn vị do NSNN bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên																												
	Tên đơn vị																												
B	Các nhiệm vụ, Đề án chưa phân bổ lần này																												
	Đề án...																												
	Nhiệm vụ...																												
	Tổng cộng																												

Đơn vị: triệu đồng

CÔNG ĐỢT PHÂN BỐ									
5									
u từ người bệnh không có thẻ BHYT									
TT	Tên đơn vị	Thuốc, màu do kết cấu thêm chi phí... theo tỷ trọng d chỉnh			Thu dịch vụ KB, CB theo yêu cầu	Tồn SN khác (số bỏ sung nguồn KP)	Chánh lệch tiền lương thu		Tỷ lệ (%) chỉ NSNN năm nay so với năm trước liên kế
		Phản thu do kết cấu thêm chi phí... theo tỷ trọng d chỉnh	Phản thu do kết cấu thêm chi phí... theo tỷ trọng d chỉnh	Phản thu do kết cấu thêm chi phí... theo tỷ trọng d chỉnh			được trong lương thu	được trong lương thu	
A	B	70	71	72	73	74	75	76	77
A									
Phân bổ theo đơn vị									
Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi dân tư									
I	Tên đơn vị								
II									
Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên									
Tên đơn vị									
Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên									
Tên đơn vị									
Đơn vị do NSNN bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên									
Tên đơn vị									
III									
Đơn vị do NSNN bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên									
Tên đơn vị									
B									
Các nhiệm vụ, Đề án chưa phân bổ lần này									
Đề án									
Nhiệm vụ									
Tổng cộng									

STT		Dự toán năm nay																				
Nội dung		I. Tổng nguồn tài chính của đơn vị				II. Dự toán chi																III. Chênh lệch thu chi
		Tổng cộng	Ngân sách nhà nước	Thu phí được để lại	Các khoản thu khác	Loại - khoản.....																
						II. Tổng cộng chi SN VHTT				Chi thường xuyên				Chi không thường xuyên (*)								
						Cộng chi thường xuyên				Quỹ lương		Các khoản chi thường xuyên khác		Cộng chi không thường xuyên		Nhiệm vụ chuyển tiếp của năm trước		Nhiệm vụ phát sinh mới trong năm				
						NSNN cấp	Nguồn thu phí được để lại	Nguồn thu khác	NSNN cấp	Nguồn thu phí được để lại	Nguồn thu khác	NSNN cấp	Nguồn thu phí được để lại	Nguồn thu khác	NSNN cấp	Nguồn thu phí được để lại	Nguồn thu khác	NSNN cấp	Nguồn thu phí được để lại	Nguồn thu khác		
A	Tổng dự toán được giao																					
B	Tổng kinh phí phân bổ																					
1	Đơn vị A																					
2	Đơn vị B																					
3	Đơn vị C																					
C	Tổng dự toán chưa phân bổ																					
	Tổng cộng																					

III.
Chênh lệch thu - chi

(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Ước thực hiện năm hiện hành																	I. Tờ
		II. Dự toán chi																	
		I. Tổng nguồn tài chính của đơn vị					1. Chi từ nguồn thu được để lại				2. Chi từ nguồn NSNN hỗ trợ								
		Tổng cộng	Dự toán NSNN giao	Thu từ các hoạt động cung cấp dịch vụ công theo khung giá NN quy định	Thu từ các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật	Tổng cộng	Chi thường xuyên			Chi không TX (3)	Tổng cộng	Chi thường xuyên			Chi không thường xuyên			III. Chênh lệch thu chi	
Quỹ lương (1)	Quỹ nhuận bút (2)						Chi hoạt động chuyên môn, chi phí quản lý	Quỹ lương (1)	Quỹ nhuận bút (2)			Chi hoạt động chuyên môn, chi phí quản lý	Quỹ lương (1)	Quỹ nhuận bút (2)	Vốn dài ứng các dự án ODA	Các Đề án được Thủ tướng Chính phủ giao (4)	Hỗ trợ KP không thường xuyên khác (3)		
A	B	1=2+3+4	2	3	4	5=6+...+9	6	7	8	9	10=11+...+16	11	12	13	14	15	16	17=15-10	18=19+20+21
	Tổng cộng					-													
A	CÁC ĐƠN VỊ THUỘC KHỐI HÀNH CHÍNH																		
I	Đơn vị A																		
	...																		
B	CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP																		
I	Đơn vị tự đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên và chi đầu tư					-													
I	Đơn vị A																		
																			
II	Đơn vị tự đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên					-													
I	Đơn vị A																		
																			
III	Đơn vị tự đảm bảo một phần kinh phí hoạt động																		
I	Đơn vị A																		
																			
IV	Đơn vị do NSNN đảm bảo kinh phí hoạt động					-													
I	Đơn vị A																		
																			
C	CÁC ĐƠN VỊ KHÁC					-													
I	Đơn vị A																		

(1) Thuyết minh rõ số biến chế được duyệt, số biến chế thực tế, hệ số lương được áp dụng và các chi phí tính theo lương.

(2) Thuyết minh rõ cơ sở tính toán.

(3) Kèm theo hồ sơ liên quan thuyết minh cơ sở phân bổ như: các quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền, dự toán, kế hoạch mua sắm được duyệt

(4) Thuyết minh chi tiết từng Đề án, căn cứ tính toán phân bổ.

Dự toán năm phân bổ																		
STT	Tên đơn vị	ng nguồn tài chính của đơn vị				II. Dự toán chi												III. Chênh lệch thu chi
		Dự toán NSNN giao	Thu từ các hoạt động dịch vụ công theo khung giá NN quy định	Thu từ các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật	Tổng cộng	1. Chi từ nguồn thu được đề lại			2. Chi từ nguồn NSNN hỗ trợ									
						Chi thường xuyên			Chi không TX (3)	Chi thường xuyên			Chi không thường xuyên					
						Quỹ lương (1)	Quỹ nhàn bút (2)	Chi học bổng chuyên môn, chi phí quản lý		Quỹ lương (1)	Quỹ nhàn bút (2)	Chi học bổng chuyên môn, chi phí quản lý	Vận đầu ứng các dự án ODA	Các Đề án được Thủ tướng Chính phủ giao (4)	Hỗ trợ KP không thường xuyên khác (3)			
A	B	19	20	21	22=23+...+26	23	24	25	26	27=28+...+33	28	29	30	31	32	33	34=18-22-27	
	Tổng cộng				-											-		
A	CÁC ĐƠN VỊ THUỘC KHỎI HÀNH CHÍNH																	
I	Đơn vị A																	
B	CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP																	
I	Đơn vị tự đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên và chi đầu tư				-													
I	Đơn vị A																	
II	Đơn vị tự đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên				-													
I	Đơn vị A																	
III	Đơn vị tự đảm bảo một phần kinh phí hoạt động																	
I	Đơn vị A																	
IV	Đơn vị do NSNN đảm bảo kinh phí hoạt động				-													
I	Đơn vị A																	
C	CÁC ĐƠN VỊ KHÁC				-													
I	Đơn vị A																	
....																		

THUYẾT MINH PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU, CHI SỰ NGHIỆP THỂ DỤC, THỂ THAO NĂM....
(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

		Ước thực hiện năm trước													
STT	Nội dung Đơn vị	Tổng nguồn tài chính của đơn vị			Dự toán chi										
		Tổng cộng	Ngân sách nhà nước	Thu phí được để lại	Các khoản thu khác	Chi thường xuyên						Trong đó			
						Cộng chi thường xuyên			Chi không thường xuyên			Chi không thường xuyên			
						NSNN cấp	NSNN thu phí được để lại	NSNN thu khác	NSNN cấp	NSNN thu phí được để lại	NSNN thu khác	NSNN cấp	NSNN thu phí được để lại	NSNN thu khác	III. Chênh lệch thu-chi
A	Tổng dự toán được giao														
B	Tổng kinh phí phân bổ														
1	Đơn vị A														
2	Đơn vị B														
3	Đơn vị C														
															
C	Tổng dự toán chưa phân bổ														
	Tổng cộng														

(*) Thuyết minh chi tiết từng nhiệm vụ: cung cấp quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền và các hồ sơ có liên quan

[illegible]

THUYẾT MINH PHÂN BỐ CHI SỰ NGHIỆP MÔI TRƯỜNG NĂM

(Dùng cho các Bộ, cơ quan Trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm trước	Dự toán giao năm...
A	B	1	2
	Tổng chi		
I	Kinh phí chi thường xuyên		
1	Kinh phí nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN (theo số lượng, khối lượng và đơn giá sản phẩm được cấp có thẩm quyền quyết		
2	Kinh phí chi hoạt động thường xuyên bộ máy (theo số lượng viên chức, định mức phân bổ dự toán theo quyết định của cấp có thẩm quyền)		
II	Kinh phí chi nhiệm vụ không thường xuyên		
1	Kinh phí thực hiện các chương trình, dự án, đề án, nhiệm vụ về bảo vệ môi trường (1)		
a	Dự án chuyển tiếp		
	- Dự án A		
	- Dự án		
b	Dự án mở mới		
	- Dự án A		
	- Dự án		
2	Hỗ trợ xử lý cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc khu vực công ích theo quyết định của cấp có thẩm quyền (1)		
a	Dự án chuyển tiếp		
	- Dự án A		
	- Dự án ...		
b	Dự án mở mới		
	- Dự án A		
	- Dự án		
3	Chi các hoạt động khác (2)		
1	Vốn đối ứng dự án bảo vệ môi trường		
2	...		

Ghi chú:

(1) Thuyết minh từng dự án/nhiệm vụ: Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền, thời gian thực hiện, tổng mức kinh phí được phê duyệt, lý kế kinh phí đã bố trí đến hết năm hiện hành

(2) Thuyết minh chi tiết theo từng nội dung cụ thể.

**THUYẾT MINH PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
CHO CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP MÔI TRƯỜNG NĂM**
(Dùng cho các Bộ, cơ quan Trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng, khối lượng dịch vụ sự nghiệp công	Đơn giá sản phẩm (đồng)	Dự toán giao chi thường xuyên (đồng)
A	B	1	2	3	4= 2 x 3
I	Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư				
1	Đơn vị ...				
a	Danh mục A				
					
2	Đơn vị...				
a	Danh mục A				
	...				
II	Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên				
1	Đơn vị ...				
a	Danh mục A				
					
2	Đơn vị...				
	Danh mục A				
	...				
III	Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên				
1	Đơn vị ...				
a	Danh mục A (NSNN hỗ trợ phần chi phí chưa kết cấu trong giá)				
b	Danh mục B (NSNN hỗ trợ phần chi phí chưa kết cấu trong giá)				
c					
2	Đơn vị...				
	...				
IV	Đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (1)				
1	Đơn vị...				
	...				

Ghi chú (1): Cột 4. Dự toán giao chi thường xuyên = Số lượng người làm việc theo quyết định của cấp có thẩm quyền x Định mức phân bổ dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

THUYẾT MINH PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ NĂM

(Dùng cho các Bộ, cơ quan Trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

	Nội dung	Ước thực hiện năm trước	Dự toán giao năm...
A	B	1	4
I	Tổng chi		
1	Kinh phí chi thường xuyên		
a	Kinh phí nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN (theo số lượng, khối lượng và đơn giá sản phẩm được cấp có thẩm quyền quyết định)		
b	Kinh phí chi hoạt động thường xuyên bộ máy (theo số lượng viên chức, định mức phân bổ dự toán theo quyết định của cấp có thẩm quyền)		
2	Kinh phí chi nhiệm vụ không thường xuyên		
a	Kinh phí thực hiện các chương trình, dự án, đề án, nhiệm vụ		
b	Kinh phí mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động sự nghiệp		
d	Vốn đối ứng dự án		
d	...		
II	Tổng chi tại phần I nêu trên chi tiết theo từng lĩnh vực hoạt động kinh tế như sau:		
1	Chi sự nghiệp giao thông		
a	<i>Chi hoạt động kinh tế đường bộ</i>		
	- Bảo trì công trình đường bộ		
	- Quản lý công trình đường bộ		
	...		
b	<i>Chi hoạt động kinh tế đường thủy nội địa</i>		
	- Sửa chữa, bảo trì thường xuyên		
	- Sửa chữa không thường xuyên đường thủy nội địa		
	...		
c	<i>Chi hoạt động kinh tế hàng không</i>		
	- Hoạt động an ninh, an toàn hàng không		
	...		
d	<i>Chi hoạt động tìm kiếm cứu nạn hàng hải</i>		
	- Hoạt động thường xuyên tìm kiếm cứu nạn		
	...		
d	<i>Chi hoạt động đảm bảo trật tự an toàn giao thông</i>		
e	<i>Chi hoạt động kinh tế đường sắt</i>		
g	<i>Chi hoạt động kinh tế hàng hải</i>		
h	<i>Chi hoạt động giao thông khác</i>		
2	Chi sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi, thủy sản, lâm nghiệp		
a	<i>Chi hoạt động kinh tế nông nghiệp</i>		
	- Khuyến nông		
	- Chương trình giống		
	- Sự nghiệp thú y		
	- Sự nghiệp bảo vệ thực vật		
	- Điều tra cơ bản về nông nghiệp		
	...		
b	<i>Chi hoạt động kinh tế thủy lợi</i>		
	- Duy tu, bảo dưỡng hệ thống đê điều		
	- Chi phòng chống thiên tai		
	- Điều tra cơ bản về thủy lợi		
	...		
c	<i>Chi hoạt động kinh tế thủy sản</i>		
	- Hoạt động kiểm ngư		
	- Bảo vệ nguồn lợi thủy sản		
	- Điều tra cơ bản về thủy sản		
	...		
d	<i>Chi hoạt động kinh tế lâm nghiệp</i>		
	- Bảo vệ và phát triển rừng		
	- Hoạt động lực lượng kiểm lâm		
	- Điều tra cơ bản về lâm nghiệp		
	...		
e	<i>Chi hoạt động kinh tế nông nghiệp, thủy lợi, thủy sản, lâm nghiệp khác</i>		
	...		

Đơn vị: triệu đồng

	Nội dung	Ước thực hiện năm trước	Dự toán giao năm...
A	B	1	4
3	Chỉ sự nghiệp tài nguyên		
<i>a</i>	<i>Chỉ hoạt động kinh tế đo đạc bản đồ và viễn thám</i>		
	- Đo đạc và bản đồ		
	- Viễn thám		
	...		
<i>b</i>	<i>Chỉ hoạt động kinh tế đất đai</i>		
	- Điều tra cơ bản về đất đai		
	- Chỉ hoạt động khác		
	...		
<i>c</i>	<i>Chỉ hoạt động kinh tế địa chất khoáng sản</i>		
	- Điều tra cơ bản về địa chất khoáng sản		
	- Các hoạt động khác		
	...		
<i>d</i>	<i>Chỉ hoạt động kinh tế tài nguyên nước</i>		
	- Điều tra cơ bản về tài nguyên nước		
	- Các hoạt động khác		
	...		
<i>đ</i>	<i>Chỉ hoạt động kinh tế biển và hải đảo</i>		
	- Điều tra cơ bản về biển và hải đảo		
	- Các hoạt động khác		
	...		
<i>e</i>	<i>Chỉ hoạt động kinh tế khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu</i>		
	- Hoạt động dự báo khí tượng thủy văn		
	- Hoạt động liên quan đến biến đổi khí hậu		
	- Điều tra cơ bản về khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu		
	...		
<i>g</i>	<i>Chỉ hoạt động kinh tế tài nguyên khác</i>		
	...		
4	Chỉ sự nghiệp thương mại, công nghiệp		
<i>a</i>	<i>Chỉ hoạt động kinh tế thương mại</i>		
	- Hoạt động xúc tiến thương mại		
	- Hoạt động thương mại điện tử		
	- Điều tra cơ bản về thương mại		
	...		
<i>b</i>	<i>Chỉ hoạt động kinh tế công nghiệp</i>		
	- Khuyến công		
	- Điều tra cơ bản về công nghiệp		
	...		
<i>c</i>	<i>Chỉ hoạt động kinh tế công thương khác</i>		
	...		
5	Chỉ sự nghiệp xây dựng		
<i>a</i>	<i>Chỉ hoạt động kinh tế xây dựng</i>		
	- Điều tra cơ bản xây dựng		
	...		
<i>b</i>	<i>Chỉ hoạt động xây dựng khác</i>		
	...		
6	Chỉ sự nghiệp		
7	Chỉ nhiệm vụ quy hoạch		
8	Chỉ bảo quản hàng dự trữ quốc gia		
	Trong đó:		
	Mật hàng A		
	Mật hàng B		
	(ghi rõ từng mật hàng, đơn giá)		
9	Trợ giá giữ đàn giống gốc		
10	Chỉ hoạt động kinh tế khác		
	...		

Ghi chú: Thuyết minh chi tiết, cụ thể theo từng nội dung phân bổ, giao dự toán.

Bộ, cơ quan Trung ương: ...
Chương: ...

Phụ lục số 6 - Mẫu biểu 10.2

**THUYẾT MINH PHÂN BỐ DỰ TOÁN ĐIỀU TRA CƠ BẢN VÀ NHIỆM VỤ QUY HOẠCH
NĂM**

(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Nội dung	Quyết định phê duyet của cấp có thẩm quyền	Thời gian thực hiện từ đến....	Tổng mức kinh phí được phê duyệt	Lũy kế số bố trí đến hết năm trước	Dự toán giao năm...
A	B	1	2	3	4	5
I	ĐIỀU TRA CƠ BẢN					
1	Dự án chuyển tiếp					
	- Dự án A					
	- Dự án					
						
2	Dự án mở mới					
	- Dự án A					
	- Dự án					
						
II	NHIỆM VỤ QUY HOẠCH					
1	Dự án chuyển tiếp					
	- Dự án A					
	- Dự án					
						
2	Dự án mở mới					
	- Dự án A					
	- Dự án					
						

**THUYẾT MINH PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
CHO CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP KINH TẾ NĂM**
(Dùng cho các Bộ, cơ quan Trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng, khối lượng dịch vụ sự nghiệp công	Đơn giá sản phẩm (đồng)	Dự toán giao chi thường xuyên (đồng)
A	B	1	2	3	4= 2 x 3
I	Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư (đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN theo giá tính đủ chi phí, có khấu hao TSCĐ)				
1	Đơn vị ...				
<i>a</i>	<i>Danh mục A</i>				
<i>b</i>	<i>Danh mục B</i>				
					
2	Đơn vị...				
<i>a</i>	<i>Danh mục A</i>				
<i>b</i>	<i>Danh mục B</i>				
	...				
II	Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên (đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN theo giá tính đủ chi phí, không có khấu hao TSCĐ)				
1	Đơn vị ...				
<i>a</i>	<i>Danh mục A</i>				
<i>b</i>	<i>Danh mục B</i>				
					
2	Đơn vị...				
	<i>Danh mục A</i>				
	<i>Danh mục B</i>				
	...				
III	Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên (đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN theo giá chưa tính đủ chi phí (chưa tính chi phí quản lý và chi phí khấu hao tài sản cố định))				
1	Đơn vị ...				
<i>a</i>	<i>Danh mục A (NSNN hỗ trợ phần chi phí chưa kết cấu trong giá)</i>				
<i>b</i>	<i>Danh mục B (NSNN hỗ trợ phần chi phí chưa kết cấu trong giá)</i>				
<i>c</i>	<i>....</i>				
2	Đơn vị...				
	...				
IV	Đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (1)				
1	Đơn vị...				
2	Đơn vị...				
	...				

Ghi chú (1): Cột 4. Dự toán giao chi thường xuyên = Số lượng người làm việc theo quyết định của cấp có thẩm quyền x Định mức phân bổ dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Bộ, cơ quan Trung ương:

Phụ lục số 6 - Mẫu biểu 11.1

Chương:

THUYẾT MINH TỔNG HỢP PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NĂM.....

(Dùng cho các Bộ, cơ quan Trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Ước thực hiện năm hiện hành	Năm....(năm phân bổ)		
			Dự toán giao	Dự toán đã phân bổ cho các đơn vị trực thuộc	Phân bổ cho các đơn vị trực thuộc lần này
A	B	1	2	3	4
	Tổng chi = (I)+(II)+...				
I	Khoản 463				
1.1	Kinh phí giao tự chủ				
1.1.1	Quỹ lương (1)				
1.1.2	Chi thường xuyên theo định mức, trong đó:				
1.1.2.1.	Đoàn ra (2)				
1.1.2.2.	Đoàn vào (3)				
1.1.2.3.	Hội nghị, hội thảo (4)				
1.1.2.4.	Mua sắm, sửa chữa (5)				
1.1.2.5.	Nhiệm vụ đặc thù (6)				
...	...				
1.2	Kinh phí giao không thực hiện tự chủ (7)				
1.2.1	Tên nhiệm vụ ...				
1.2.2	Tên nhiệm vụ ...				
					
II	Khoản..				
					

Tài liệu thuyết minh phân bổ dự toán kèm theo:

- (1) Thuyết minh theo các chỉ tiêu của từng đơn vị dự toán: số biên chế được giao, số biên chế thực tế có mặt tại thời điểm phân bổ dự toán, lương theo hệ số, các khoản phụ cấp và các khoản đóng góp;
- (2) Thuyết minh theo các chỉ tiêu: Tên đoàn ra, đoàn vào, nước đến công tác, dự kiến số người, số ngày, kinh phí từng đoàn, đơn vị thực hiện;
- (3) Thuyết minh theo các chỉ tiêu: Tên đoàn vào, dự kiến số người, số ngày, kinh phí từng đoàn, đơn vị thực hiện;
- (4) Thuyết minh theo các chỉ tiêu: Tên hội nghị, hội thảo, kinh phí dự kiến phân bổ cho từng hội nghị, đơn vị thực hiện;
- (5) Thuyết minh theo các chỉ tiêu: Danh mục mua sắm, sửa chữa theo số lượng, khối lượng, dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đơn vị thực hiện mua sắm, sửa chữa;
- (6) và (7) Chi tiết từng nhiệm vụ: Tên nhiệm vụ, dự toán; đối với các chương trình, dự án kèm theo Quyết định phê duyệt nhiệm vụ của cấp có thẩm quyền và đơn vị thực hiện nhiệm vụ.

Bộ, cơ quan Trung ương:
Chương:

Phụ lục số 6 - Mẫu biểu 11.2

THUYẾT MINH PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NĂM.....

(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: triệu đồng

Tên loại, khoản	Nội dung	Ước thực hiện năm hiện hành	Năm phân bổ			Mã số đơn vị sử dụng ngân sách	Mã số KBNN nơi đơn vị giao dịch
			Dự toán giao	Dự toán đã phân bổ cho các đơn vị trực thuộc	Phân bổ cho các đơn vị trực thuộc		
A	B	1	2	3	4	5	6
	Tổng chi						
1 Đơn vị A							
1.1	Kinh phí giao tự chủ						
1.1.1	Quỹ lương						
1.1.2	Chi thường xuyên theo định mức, trong đó:						
1.1.2.1.	Đoàn ra						
1.1.2.2.	Đoàn vào						
1.1.2.3.	Hội nghị, hội thảo						
1.1.2.4.	Mua sắm, sửa chữa						
1.1.2.5.	Nhiệm vụ đặc thù (1)						
...	...						
1.2	Kinh phí giao không thực hiện tự chủ (1)						
....							
2 Đơn vị B							
....							

(1) Chi tiết từng nhiệm vụ: Tên nhiệm vụ, dự toán; đối với các chương trình, dự án kèm theo Quyết định phê duyệt nhiệm vụ của cấp có thẩm quyền.

THUYẾT MINH PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM.....

(Dùng cho các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp sử dụng ngân sách nhà nước gửi Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

Loại, khoản	Nội dung	Ước thực hiện năm.... (năm hiện hành)	Năm...(năm phân bổ)		
			Dự toán giao	Dự toán đã phân bổ cho các đơn vị trực thuộc (nếu có)	Phân bổ cho các đơn vị trực thuộc lần này (nếu có)
A	B	1	2	3	4
	Tổng chi (Kinh phí giao không thực hiện tự chủ)				
1	Loại..., khoản...				
1.1	Kinh phí đảm bảo hoạt động của Hội (đối với các hội có tính chất đặc thù theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ)				
1.1.1	Quỹ lương (1)				
1.1.2	Chi thường xuyên theo định mức, trong đó:				
1.1.2.1.	Đoàn ra (2)				
1.1.2.2.	Đoàn vào (3)				
1.1.2.3.	Hội nghị, hội thảo (4)				
1.1.2.4.	Mua sắm, sửa chữa (5)				
1.1.2.5.	Các nhiệm vụ đặc thù (6)				
1.2	Kinh phí nhà nước giao gắn với nhiệm vụ của Nhà nước (7)				
1.2.1	Tên nhiệm vụ ...				
1.2.2	Tên nhiệm vụ ...				
					
2	Loại..., khoản...				
					

Tài liệu thuyết minh phân bổ dự toán kèm theo:

- (1) Thuyết minh theo các chỉ tiêu của từng đơn vị dự toán: số biên chế được giao, số biên chế thực tế có mặt tại thời điểm phân bổ dự toán, lương theo hệ số, các khoản phụ cấp và các khoản đóng góp;
- (2) Thuyết minh theo các chỉ tiêu: Tên đoàn ra, đoàn vào, nước đến công tác, dự kiến số người, số ngày, kinh phí từng đoàn, đơn vị thực hiện;
- (3) Thuyết minh theo các chỉ tiêu: Tên đoàn vào, dự kiến số người, số ngày, kinh phí từng đoàn, đơn vị thực hiện;
- (4) Thuyết minh theo các chỉ tiêu: Tên hội nghị, hội thảo, kinh phí dự kiến phân bổ cho từng hội nghị, đơn vị thực hiện;
- (5) Thuyết minh theo các chỉ tiêu: Danh mục mua sắm, sửa chữa theo số lượng, khối lượng, dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đơn vị thực hiện mua sắm, sửa chữa;
- (6) và (7) Chi tiết từng nhiệm vụ: Tên nhiệm vụ, dự toán; đối với các chương trình, dự án kèm theo Quyết định phê duyệt nhiệm vụ của cấp có thẩm quyền và đơn vị thực hiện nhiệm vụ.

Bộ, cơ quan Trung ương:.....
 Chương:

THUYẾT MINH PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC LĨNH VỰC ĐẢM BẢO XÃ HỘI NĂM
(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

STT	NỘI DUNG	TỔNG CỘNG	Nhóm đơn vị tự đảm bảo chi hoạt động thường xuyên (và cả đầu tư nếu có)					Nhóm đơn vị tự đảm bảo một phần chi hoạt động thường xuyên					Nhóm đơn vị do NSNN bảo đảm chi hoạt động thường xuyên				
			Cộng	Đơn vị A	Đơn vị B	Đơn vị C	Đơn vị...	Cộng	Đơn vị A	Đơn vị B	Đơn vị C	Đơn vị...	Cộng	Đơn vị A	Đơn vị B	Đơn vị C	Đơn vị...
			D	1	2	3	4	Đ	5	6	7	8	E	9	10	11	12
A	B	C = D+D+E															
	TỔNG CỘNG (I+II)																
I	Chi cho đối tượng (2+3+4+5)																
1	Số đối tượng nuôi dưỡng thường xuyên																
	- Đối tượng thương binh, bệnh binh, thân nhân liệt sỹ																
	- Đối tượng bảo trợ xã hội																
2	Chi điều trị																
	- Đối tượng thương binh, bệnh binh, thân nhân liệt sỹ																
	- Đối tượng bảo trợ xã hội																
3	Chi các chính sách, chế độ cho đối tượng																
	- Quà và ăn thêm ngày lễ tết																
	- Hỗ trợ nhà ở cho thương binh về gia đình																
	- Các chế độ khác của thương bệnh binh (ĐCCH, trang cấp đặc biệt, chi tiền tàu, xe cho thương binh, bệnh binh về thăm gia đình, sách báo...)																
	- Hỗ trợ nhà ở cho thương binh về gia đình																
4	Chi phục vụ đối tượng																
	- Điện, nước, vệ sinh môi trường, vật tư chuyên dùng, xăng dầu....																
	Chi mua sắm TSCĐ, trang thiết bị y tế, sửa chữa lớn																
	<i>Trong đó:</i>																
	- Mua tổ tổ																
5	Chi thăm hỏi, đón tiếp đối tượng, thân nhân NCC																
II	Chi của đơn vị (3+4)																
1	Số biên chế được giao																
2	Số người lao động có mặt thực tế tại thời điểm lập dự toán																

Đơn vị: triệu đồng

5

[illegible]

Đơn vị: triệu đồng

[illegible]

Bộ, cơ quan Trung ương:.....
 Chương:

Phụ lục 6 - Mẫu biểu 12.3

THUYẾT MINH PHÂN BỐ CHI LƯƠNG HỮU, TRỢ CẤP BẢO HIỂM XÃ HỘI NĂM
(Dùng cho các bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung chi	Ước thực hiện năm (Năm hiện hành)			Dự toán năm (Năm phân bổ)		
		Số người hưởng chế độ bình quân năm... (người)	Dự toán phân bổ theo các chế độ (triệu đồng)	Mức chi bình quân một tháng theo dự toán được giao (triệu đồng)	Số người hưởng chế độ bình quân năm... (người)	Dự toán phân bổ theo các chế độ (triệu đồng)	Mức chi bình quân một tháng theo dự toán được giao (triệu đồng)
1	BHYT cho đối tượng BHXH						
2	Lương hưu						
3	Công nhân cao su						
4	Mất sức lao động, trợ cấp 91						
5	TN LĐ- BNN và NPV người bị TN						
6	Trợ cấp tuất						
7	Trợ cấp mai táng						
8	Cấp phương tiện trợ giúp, DCCCH						
9	Trợ cấp hàng tháng QĐ 613						
10	Trợ cấp khu vực						
11	Chi phí chi trả						
	Cộng:						

TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NSNN VÀ CHI TRẢ NỢ GỐC THÁNG NĂM....

Bộ Tài chính dùng để báo cáo Chính phủ, các cơ quan thẩm quyền của Quốc hội, Quốc hội

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	ƯỚC THỰC HIỆN		ƯỚC ... THÁNG SO (%)	
			THÁNG...	 THÁNG	DỰ TOÁN	CÙNG KỲ NĂM
A	B	1	2	3	4	5
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN					
I	Thu cân đối NSNN					
1	Thu nội địa					
2	Thu từ dầu thô					
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu					
4	Thu viện trợ					
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang					
B	TỔNG CHI NSNN					
1	Chi đầu tư phát triển					
2	Chi dự trữ quốc gia					
3	Chi trả nợ lãi					
4	Chi viện trợ					
5	Chi thường xuyên					
6	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
7	Dự phòng NSNN					
8	Các nhiệm vụ chi khác					
C	BÔI CHI NSNN/ BÔI THU NSNN					
D	CHI TRẢ NỢ GỐC					

ƯỚC THU NSNN THÁNG NĂM.....

Bộ Tài chính dùng để báo cáo Chính phủ, các cơ quan thẩm quyền của Quốc hội, Quốc hội

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	ƯỚC THỰC HIỆN		ƯỚC ... THÁNG SO (%)	
			THÁNG...	 THÁNG	DỰ TOÁN	CÙNG KỲ NĂM
A	B	1	2	3	4	5
	<u>TỔNG THU CÂN ĐỐI NSNN</u>					
I	Thu nội địa					
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước					
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài					
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh					
4	Thuế thu nhập cá nhân					
5	Thuế bảo vệ môi trường					
6	Các loại phí, lệ phí					
7	Các khoản thu về nhà, đất					
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp					
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp					
	- Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước					
	- Thu tiền sử dụng đất					
	- Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước					
8	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết					
9	Thu khác ngân sách					
10	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác					
II	Thu từ dầu thô					
III	Thu cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu					
1	Tổng số thu từ hoạt động xuất nhập khẩu					
	- Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
	- Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu					
	- Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu					
	- Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
	- Thuế khác					
2	Hoàn thuế GTGT					
IV	Thu viện trợ					

ƯỚC CHI NSNN THÁNG NĂM

Bộ Tài chính dùng để báo cáo Chính phủ, các cơ quan thẩm quyền của Quốc hội, Quốc hội

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	ƯỚC THỰC HIỆN		ƯỚC ... THÁNG SO (%)	
			THÁNG...	 THÁNG	DỰ TOÁN	CÙNG KỲ NĂM
A	B	1	2	3	4	5
	TỔNG SỐ CHI NSTW					
I	Chi đầu tư phát triển					
1	Chi đầu tư cho các dự án					
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp.					
3	Chi đầu tư phát triển khác					
II	Chi dự trữ quốc gia					
III	Chi trả nợ lãi					
IV	Chi viện trợ					
V	Chi thường xuyên					
1	Chi quốc phòng					
2	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội					
3	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề					
4	Chi khoa học và công nghệ					
5	Chi y tế, dân số và gia đình					
6	Chi văn hóa thông tin					
7	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn					
8	Chi thể dục thể thao					
9	Chi bảo vệ môi trường					
10	Chi các hoạt động kinh tế					
11	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể					
12	Chi bảo đảm xã hội					
13	Chi thường xuyên khác					
VI	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
VII	Dự phòng ngân sách					
VIII	Các nhiệm vụ chi khác					
IX	Chi chuyển nguồn sang năm sau					

ƯỚC THU NSNN THÁNG NĂM.....

Dùng cho cơ quan thuế, hải quan báo cáo đơn vị dự toán cấp trên,
Đơn vị dự toán cấp I báo cáo cơ quan Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư cùng cấp

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	ƯỚC THỰC HIỆN		ƯỚC ... THÁNG SO (%)	
			THÁNG...	 THÁNG	DỰ TOÁN	CÙNG KỲ NĂM
A	B	1	2	3	4	5
A	TỔNG THU NSNN					
I	Thu nội địa					
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước					
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài					
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh					
4	Thuế thu nhập cá nhân					
5	Thuế bảo vệ môi trường					
6	Các loại phí, lệ phí					
7	Các khoản thu về nhà, đất					
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp					
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp					
	- Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước					
	- Thu tiền sử dụng đất					
	- Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước					
8	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết					
9	Thu khác ngân sách					
10	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác					
II	Thu từ dầu thô					
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu					
1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
2	Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu					
3	Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu					
4	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
5	Thuế khác					
B	HOÀN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG					

Ghi chú:

- Tổng cục thuế báo cáo các chỉ tiêu, A.I, A.II và B
- Tổng cục Hải quan báo cáo các chỉ tiêu A.III.

ĐƠN VỊ

Phụ lục 06 - Mẫu biểu 05

THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM

Dùng cho Bộ, cơ quan trung ương báo cáo Bộ Tài chính

Đơn vị: triệu đồng

Nội dung	DỰ TOÁN	ƯỚC THỰC HIỆN		ƯỚC ... QUÝ SO DỰ TOÁN (%)
		QUÝ..	LŨY KẾ.... QUÝ	
I. Thu phí, lệ phí				
1. Tổng thu				
<i>Chi tiết theo từng khoản thu</i>				
2. Thu phí được để lại đơn vị				
<i>Chi tiết theo từng khoản thu</i>				
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN				
<i>Chi tiết theo từng khoản thu</i>				
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước				
A. Chi thường xuyên				
1. Chi quản lý hành chính:				
a) Kinh phí giao tự chủ				
Quỹ lương				
Chi thường xuyên theo định mức				
Các khoản chi đặc thù ngoài định mức:				
<i>(chi tiết theo các khoản chi)</i>				
....				
b) Kinh phí không giao tự chủ				
<i>(Chi tiết theo các khoản chi)</i>				
2. Chi quốc phòng				
3. Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội				
4. Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề				
5. Chi khoa học và công nghệ				
6. Chi y tế, dân số và gia đình				
7. Chi văn hóa thông tin				
8. Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9. Chi thể dục thể thao				
10. Chi bảo vệ môi trường				
11. Chi bảo đảm xã hội				
12. Chi TX khác...				
...				
B. Chi đầu tư phát triển				
1. Chi các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể				
2. Chi quốc phòng				
3. Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội				

4. Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề				
5. Chi khoa học và công nghệ				
6. Chi y tế, dân số và gia đình				
7. Chi văn hóa thông tin				
8. Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9. Chi thể dục thể thao				
10. Chi bảo vệ môi trường				
11. Chi bảo đảm xã hội				
12. Chi ĐT khác...				
C. Chi dự trữ				
D. Chi cải cách lương				
E. Chi CTMTQG, CTMT				
1. CTMTQG				
1.1. CTMTQG giảm nghèo bền vững				
Dự án.....				
1.2. CTMTQG phát triển nông thôn mới				
Dự án.....				
2. CTMT				
2.1.				

TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NSNN VÀ CHI TRẢ NỢ GỐC THÁNG NĂM....*Dùng cho UBND cấp tỉnh báo cáo Bộ Tài chính**Đơn vị: Tỷ đồng*

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	ƯỚC THỰC HIỆN		ƯỚC ... THÁNG SO (%)	
			THÁNG...	 THÁNG	DỰ TOÁN	CÙNG KỲ NĂM
A	B	1	2	3	4	5
A	<u>TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</u>					
I	Thu cân đối NSNN					
1	Thu nội địa					
2	Thu từ dầu thô					
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu					
4	Thu viện trợ					
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang					
B	<u>TỔNG CHI NSDP</u>					
I	Chi cân đối ngân sách địa phương					
1	Chi đầu tư phát triển					
2	Chi trả nợ lãi					
3	Chi thường xuyên					
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
5	Dự phòng NSNN					
6	Các nhiệm vụ chi khác					
I	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP					
C	<u>BỘI CHI NSDP/ BỘI THU NSDP</u>					
D	<u>CHI TRẢ NỢ GỐC</u>					

ƯỚC THU NSNN THÁNG NĂM.....

Dùng cho UBND cấp tỉnh báo cáo Bộ Tài chính

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	ƯỚC THỰC HIỆN		ƯỚC ... THÁNG SO (%)	
			THÁNG...	 THÁNG	DỰ TOÁN	CÙNG KỲ NĂM
A	B	I	2	3	4	5
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN					
I	Thu nội địa					
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước					
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài					
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh					
4	Thuế thu nhập cá nhân					
5	Thuế bảo vệ môi trường					
6	Các loại phí, lệ phí					
7	Các khoản thu về nhà, đất					
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp					
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp					
	- Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước					
	- Thu tiền sử dụng đất					
	- Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước					
8	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết					
9	Thu khác ngân sách					
10	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác					
II	Thu từ dầu thô					
III	Thu cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu					
1	Tổng số thu từ hoạt động xuất nhập khẩu					
	- Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
	- Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu					
	- Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu					
	- Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu					
	- Thuế khác					
2	Hoàn thuế GTGT					
IV	Thu viện trợ					
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP					
1	Từ các khoản thu phân chia					
2	Các khoản thu NSDP hưởng 100%					

ƯỚC CHI NSDP THÁNG NĂM

Dùng cho UBND cấp tỉnh báo cáo Bộ Tài chính

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	ƯỚC THỰC HIỆN		ƯỚC ... THÁNG SO (%)	
			THÁNG...	 THÁNG	DỰ TOÁN	CÙNG KỲ NĂM
A	B	1	2	3	4	5
	TỔNG SỐ CHI NSDP					
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP					
I	Chi đầu tư phát triển					
1	Chi đầu tư cho các dự án					
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp.					
3	Chi đầu tư phát triển khác					
II	Chi trả nợ lãi					
III	Chi thường xuyên					
1	Chi quốc phòng					
2	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội					
3	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề					
4	Chi khoa học và công nghệ					
5	Chi y tế, dân số và gia đình					
6	Chi văn hóa thông tin					
7	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn					
8	Chi thể dục thể thao					
9	Chi bảo vệ môi trường					
10	Chi các hoạt động kinh tế					
11	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể					
12	Chi bảo đảm xã hội					
13	Chi thường xuyên khác					
VI	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
VII	Dự phòng ngân sách					
VIII	Các nhiệm vụ chi khác					
IX	Chi chuyển nguồn sang năm sau					
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO					
1	Chương trình MTQG					
2	Cho chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư					
3	Chi cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên					